TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – TỈNH BẾN TRE	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 229 /2018/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 06 tháng 8 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 338/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2018 giữa:

- *N đơn*: Chị Trần Thị N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: Anh Đỗ Hoàng V, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp B, xã C, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Đỗ Hoàng V (Khương).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Đỗ Hoàng V (Khương). Giấy chứng nhận kết hôn số 73, ngày 28/9/2016 của UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Chị Trần Thị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ

Nhã H, sinh ngày 07/12/2017. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đỗ Hoàng V có quyền thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

- Về án phí hôn nhân và gia đình do hòa giải thành nên giảm 50%: 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng), chị Trần Thị N đồng ý nộp và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0017747 ngày 03/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bến Tre. Sau khi khấu trừ, chị N còn được nhận lại số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện T;
- UBND thị trấn T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Văn Lâm